TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HS-PT
Ngày 13-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng
Thẩm phán: Ông Tạ Quốc Việt
Ông Đào Đức Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/HSPT ngày 10-5-2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 14-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi ở: ấp P, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 14-12-2017, thay đổi biên pháp ngăn chặn cho tại ngoại ngày 15-01-2018 (có mặt).

2. Nguyễn Phi T2, sinh ngày 10-4-2001 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi ở: ấp P, xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1978;

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 09-11-2017 bị Công an xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản tại quyết định số 10/QĐ-XPHC.

Bị bắt, tạm giam ngày 14-12-2017, thay đổi biên pháp ngăn chặn cho tại ngoại ngày 15-01-2018 (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi T2:

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, là cha mẹ của bị cáo (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là bà nội của bị cáo (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo T2: Ông Lê Minh P – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13 tháng 12 năm 2017 Nguyễn Văn T1 điều khiển xe máy hiệu Exciter biển số 72H1-160.00 chở Nguyễn Phi T2 trên đường đi chơi về đến khu vực xã L, xe gần hết xăng nên T1 nảy sinh ý định chặn đường xin tiền của người đi đường, T1 nói với T2, T2 đồng ý. T1 dừng xe trên đoạn đường nông thôn không có đèn đường chiếu sáng thuộc khu vực ấp P, xã M, T2 nhặt 01 đoạn cây có chiều dài khoảng 90cm, đường kính khoảng 2,5cm cầm trên tay để hù dọa chặn người đi đường. Em Nguyễn Tất Hoàng D điều khiển xe đến gần phát hiện nên quay xe bỏ chạy. Anh Lê Văn L điều khiển xe mô tô đến thì bị T2 chặn lại và yêu cầu dắt xe vào lề đường, T2 cầm khúc gỗ gõ vào cản bùn trước yêu cầu anh L đưa tiền, anh L đưa cho T2 150.000đ rồi điều khiển xe chạy ngược lại theo yêu cầu của T2. Anh Trần Văn S điều khiển xe máy chở chị Nguyễn Thị Kim A đến bị chặn nên thắng gấp làm xe bị ngã, T2 cầm cây đến nói với anh S rằng đang nghiện hút để đe dọa xin tiền, T2 đang dọa anh S thì chị Kim A bỏ đi, anh S móc trong túi quần ra và nói không có tiền, lúc này Công an xã M xuất hiện, T1 điều khiển xe chở T2 bỏ chạy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 14-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 15, 17, 58 điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 14 (Mười bốn) tháng tù, được khấu trừ vào thời hạn đã bị tạm giam là 01 (Một) tháng, còn lại phải thi hành là 13 (Mười ba) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 15, 17, 58 điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phi T2 09 (Chín) tháng tù, được khấu trừ vào thời hạn đã bị tạm giam là 01 (Một) tháng còn phải thi hành là 08 (Tám) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-03-2018, bị cáo Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: hành vi phạm tội không quá nghiêm trọng, bị cáo đã ăn năn hối lỗi, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, lần đầu phạm tội.

Ngày 27-03-2018, bị cáo Nguyễn Phi T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: tuổi đời còn nhỏ nên không hiểu biết pháp luật, hành vi phạm tội không quá nghiêm trọng, bị cáo đã ăn năn hối lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, mức án đã tuyên phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T2 trình bày: Bị cáo T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội, chính sách hình sự đối với người này chủ yếu để giáo dục họ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, do vậy đề nghị áp dụng thêm Điều 54 BLHS để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 gửi trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng giờ 18 giờ ngày 13-12-2017, tại khu vực đoạn đường nông thôn ấp P, xã M, huyện Đ, tỉnh BR-VT, các bị cáo đã có hành vi dùng cây đứng chặn xe của người đi đường để uy hiếp bị hại, nhưng không quyết liệt, chưa đến mức làm cho bị hại không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Lê Văn L số tiền 150.000 đồng. Khi đang chặn xe anh Trần Văn S chưa chiếm đoạt được tiền thì bị phát hiện. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo

Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2:*

[3.1] Xét tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 nên cần xử lý nghiêm theo quy định. Tuy nhiên, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt.

[3.2] Bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T2 cùng cố ý thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm, hành vi của bị cáo chưa phải là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là chưa phù hợp. Bị cáo phạm tội lần đầu do bột phát nhất thời, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo T1.

[3.3] Đối với bị cáo T2, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra chứng cứ hoặc tình tiết nào khác làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Khi phạm tội bị cáo được 16 năm 8 tháng 3 ngày tuổi nên khả năng nhận thức, điều khiển hành vi có nhiều hạn chế, bị cáo phạm tội bột phát nhất thời do bị cáo T1 rủ rê. Bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ trong đó có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của người bào chữa, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2, sửa bản án sơ thẩm.

[4] *Về tính thời gian đã tạm giam:* Các bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 14-12-2017, đến ngày 15-01-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại là đã bị tam giam 01 tháng 01 ngày. Bản án sơ thẩm trừ thời gian tạm giam của các bị cáo 01 tháng là chưa chính xác. Vì vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội chưa đạt và áp dụng Điều 15 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo là chưa chính xác.

[5] *Về án phí hình sự phúc thẩm:*

Kháng cáo của các bị cáo T1, T2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T1** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án và được trừ thời gian đã tạm giam là 01 (một) tháng 01 (một) ngày (từ ngày 14-12-2017 đến ngày 15-01-2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Phi T2** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án và được trừ thời gian đã tạm giam là 01 (một) tháng 01 (một) ngày (từ ngày 14-12-2017 đến ngày 15-01-2018).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 14-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Phi T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. Đ, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đ, tỉnh BR-VT;
- Công an H Đ, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Đ, tỉnh BR-VT;
- Bị cáo;
- Lưu: Tòa Hình sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng